

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2018/HS-ST.
Ngày: 27-6 -2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tú Oanh.

2. Ông Dương Thanh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 147/2018/TLST-HS ngày 06/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: A; Tên gọi khác: A1; Sinh năm: 1995; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T và con bà: N, bị cáo chưa có vợ con. Tiền án; tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 03 năm 2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh L - (vắng mặt).

Trú tại: Thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị H - (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Y, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04h00 ngày 24/01/2017, chị U điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Y, loại xe S1, biển kiểm soát X1 của con trai là anh L đến nhà chị ruột của mình là P, tại Thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đến nơi chị U dựng xe trên đường phía trước cửa rồi đi vào trong nhà chị P. Lúc này, A đang đứng ở khu vực ngã tư đối diện nhà chị P thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát X không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại. A lén lút đến gần chiếc xe và sử dụng chìa khoá xe mô tô S2 mang theo sẵn trong người mở khoá điện của xe rồi nổ máy điều khiển xe chạy đến nhà của bạn gái là H (sinh năm: 1999 - trú tại: Thôn Y, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) để cất giấu. Khi A mang xe vào nhà chị H có hỏi về nguồn gốc của chiếc xe thì A nói dối chị H đây là xe của bạn, do nợ tiền nên gán lại cho A 5.000.000 đồng. Đến 22h00' ngày 24/01/2017, A lấy chiếc xe trên mang về phòng trọ của mình trên đường M, phường N, thành phố B cất giấu. Ngày 25/01/2017, A gặp một người bạn là anh B (sinh năm: 1995 - trú tại: Thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), A nói dối với B là có xe mới mua, bị mất biển kiểm soát nên nhờ B tìm cho một biển kiểm soát gắn vào xe làm phương tiện đi lại. Ngày 27/01/2017 tại khu vực cầu X thuộc phường K, thành phố B, B đưa cho A 01 biển kiểm soát X2 mà B đã nhặt được trước đó, còn A đưa cho B 200.000 đồng. Sau đó A tháo biển kiểm soát X1 của chiếc xe lấy trộm vứt xuống suối khu vực dưới cầu X, rồi lắp biển kiểm soát X2 vào chiếc xe làm phương tiện đi lại. Đến sáng ngày 21/01/2018 khi đang điều khiển xe đi trên đường H, phường T, thành phố B, A bị lực lượng tuần tra Công an phường T kiểm tra và mời về trụ sở Công an phường T để làm việc. Sau đó A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá số 29/KLĐG ngày 04/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột xác định giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Y, S1 biển kiểm soát X1, số máy G; số khung R tại thời điểm bị mất ngày 24/01/2017 trị giá 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 160/CT-VKS ngày 30/5/2018, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo A hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử

phạt bị cáo A mức án từ 09 tháng đến 12 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 xe mô tô tô nhãn hiệu Y, S1 biển kiểm soát X1, số máy G; số khung R cho anh L.

Bị cáo không bào chữa và tham gia tranh luận gì. Bị cáo A xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Bị cáo A đã có hành vi là vào khoảng 04h00' ngày 24/01/2017 tại Thôn X, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo A đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát X1 của anh L là chủ sở hữu và theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự trị giá chiếc xe mô tô là 13.200.000 đồng, hành vi của bị cáo là phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Như vậy, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo A là nguy hiểm đáng kể cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị một cách thích đáng. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, bị

cáo vẫn cố ý trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo A có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã tịch thu trả cho bị hại, đã được bị hại viết đơn bãi nại. Như vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, có nơi cư trú rõ ràng do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo, giáo dục cho bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Đối với anh B có hành vi đưa biển kiểm soát X2 cho A sử dụng. Tuy nhiên chiếc biển kiểm soát trên là do B nhặt được và khi đưa chiếc biển kiểm soát trên cho bị cáo A thì B không biết bị cáo A dùng chiếc biển kiểm soát này gắn vào chiếc xe bị cáo A đã trộm cắp. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với B là phù hợp.

Đối với chị H đã cho bị cáo A để chiếc xe mô tô X1 trong nhà của mình vào ngày 24/01/2017. Tuy nhiên chị H không biết nguồn gốc của chiếc xe trên là do bị cáo A trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý đối với chị H là phù hợp.

Đối với chiếc chìa khoá xe mô tô loại chìa Y mà bị cáo A sử dụng để mở khoá chiếc xe X1, bị cáo A đã làm rơi mất, không xác định được thời gian và địa điểm bị mất do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không truy tìm và thu giữ là phù hợp.

Đối với biển kiểm soát X1, bị cáo A đã vứt xuống khu vực dưới chân cầu X thuộc phường K, thành phố B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành tuy tìm nhưng không thu hồi được nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 xe mô tô tô nhãn hiệu Y, S1 biển kiểm soát X1, số máy G; số khung R cho anh L.

[7] Về án phí: Bị cáo A phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; Các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

[1] Tuyên bố: Bị cáo A (A1) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo A (A1) 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo A cho UBND xã Cư ÊBur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 xe mô tô tô nhãn hiệu Y, S1 biển kiểm soát X1, số máy G; số khung R cho anh L.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo A phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Cư ÊBur, thành phố Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Trương Thị Đông

